

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG TUẦN 49

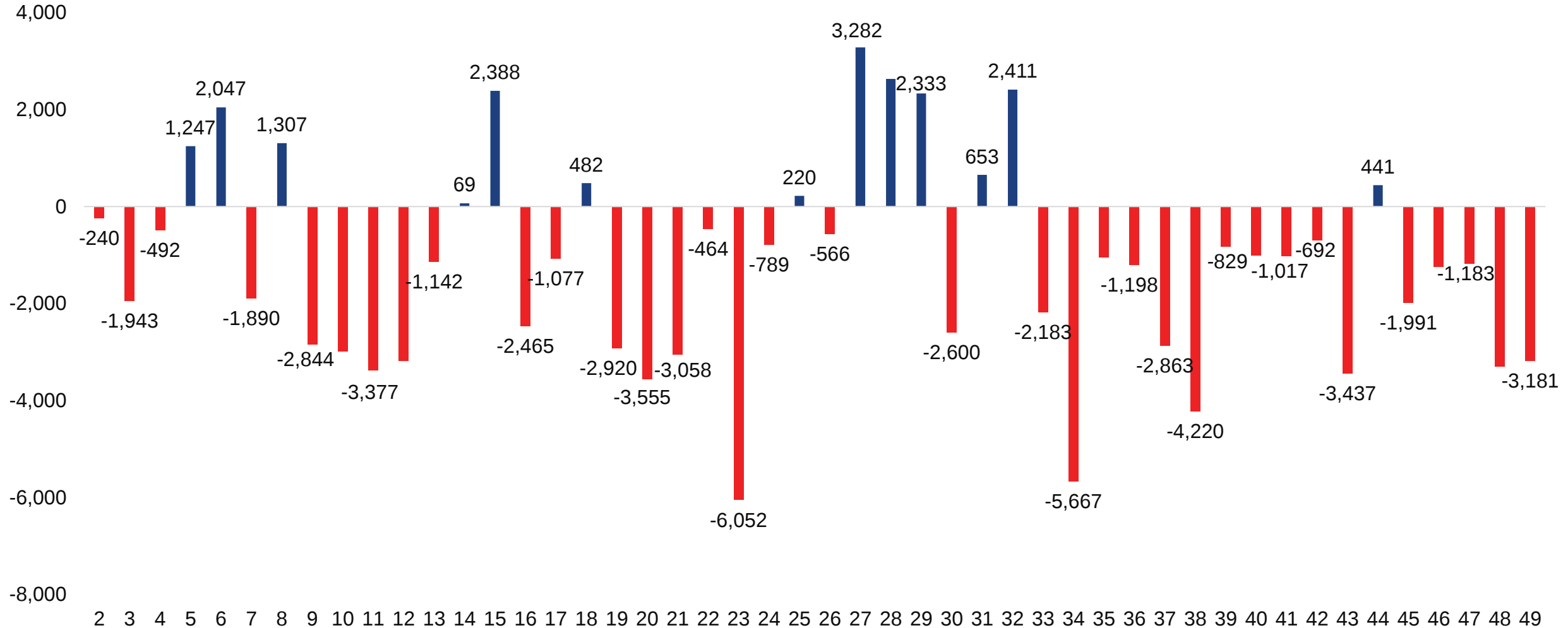
29/11/2021 – 03/12/2021



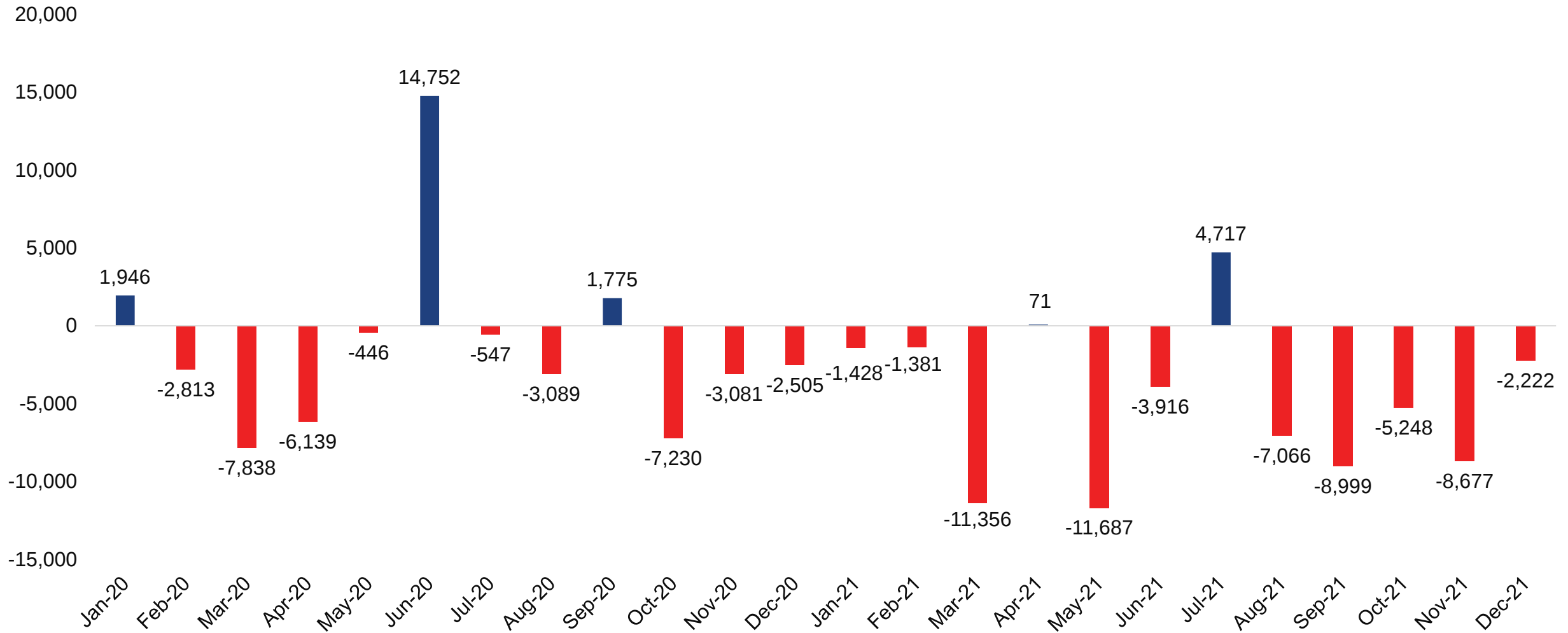


Ngày	Thay đổi Vnindex từ đầu năm
12 – 03 – 2021	31.51%

Mua/bán ròng khối ngoại theo tuần từ đầu năm 2021 (Tỷ)



Mua/bán ròng khối ngoại theo tháng từ 2019 đến nay (Tỷ)



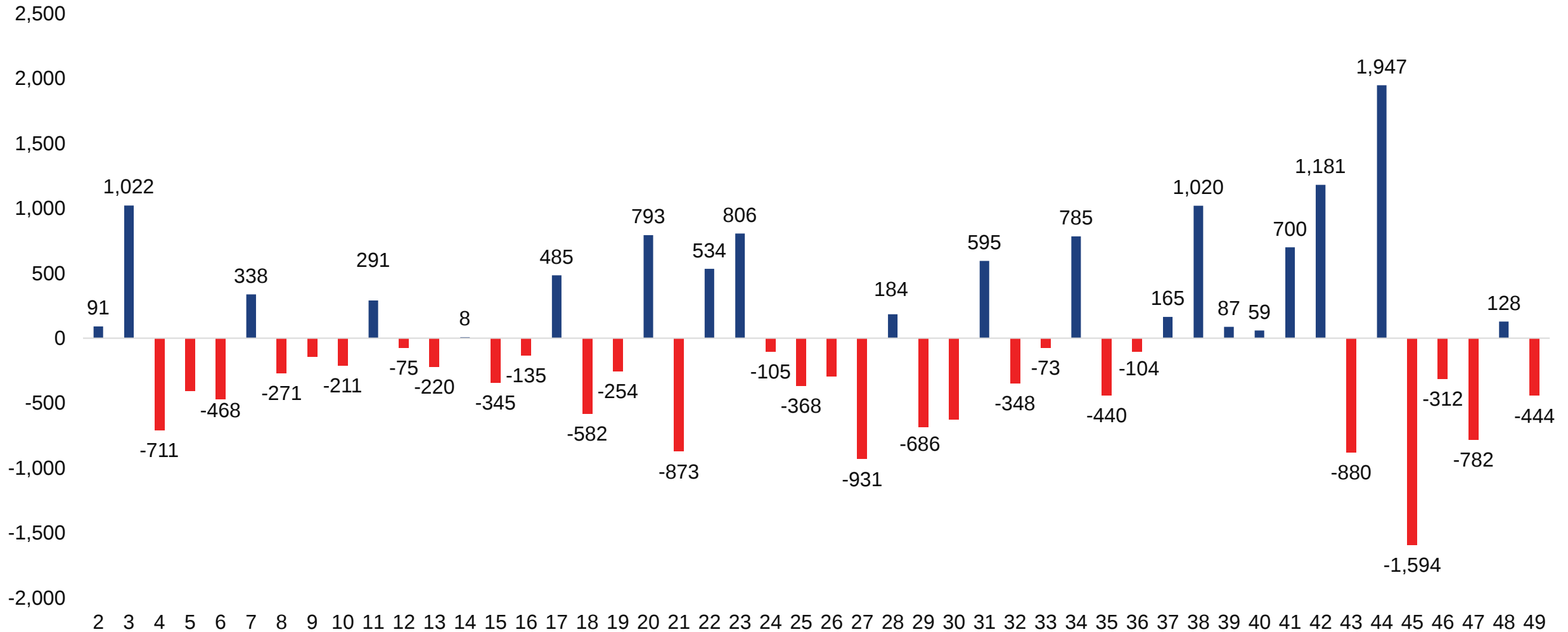
Top 10 cổ phiếu được mua ròng lớn nhất từ NN trong tuần

Mã CK	Giá trị mua ròng (Tỷ)
CTG	242
VND	123
STB	118
VCI	74
VNM	66
HVN	44
VHM	43
FRT	36
GDT	34
DIG	29

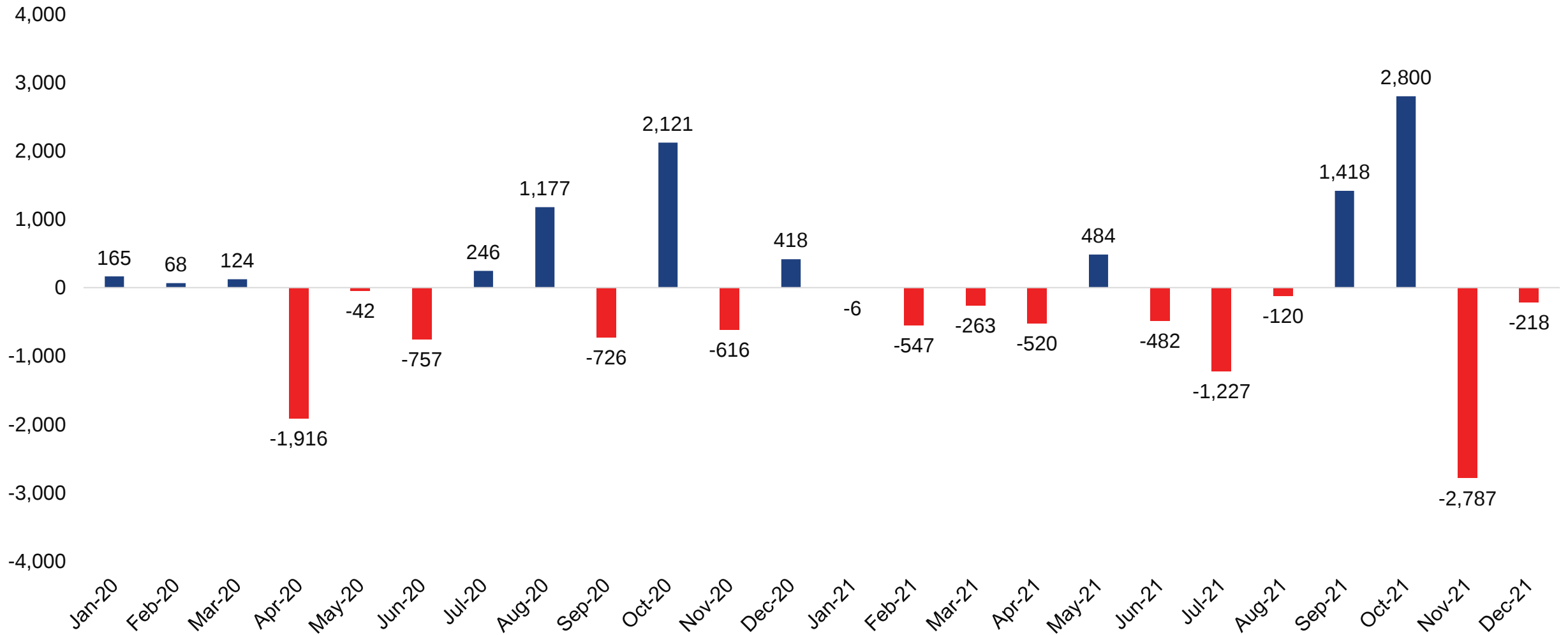
Top 10 cổ phiếu bị bán ròng lớn nhất từ NN trong tuần

Mã CK	Giá trị bán ròng (Tỷ)
MSN	356
HPG	322
DXG	295
HCM	289
SSI	203
TCH	192
VJC	177
NLG	168
HDB	166
GEX	150

Mua/bán ròng tự doanh theo tuần từ đầu năm 2021 (Tỷ)



Mua/bán ròng tự doanh theo tháng từ 2019 đến nay (Tỷ)



Top 10 cổ phiếu được mua lớn nhất từ Tự doanh trong tuần

Mã CK	Giá trị mua (Tỷ)
VPB	190
MWG	169
FPT	156
MBB	137
VIC	132
HPG	117
TCB	116
STB	103
E1VFN30	86
VHM	84

Top 10 cổ phiếu bị bán lớn nhất từ Tự doanh trong tuần

Mã CK	Giá trị bán (Tỷ)
STB	235
VHM	228
MSN	213
VIC	168
VPB	165
HPG	138
CRE	131
VNM	110
MBB	97
TCB	96

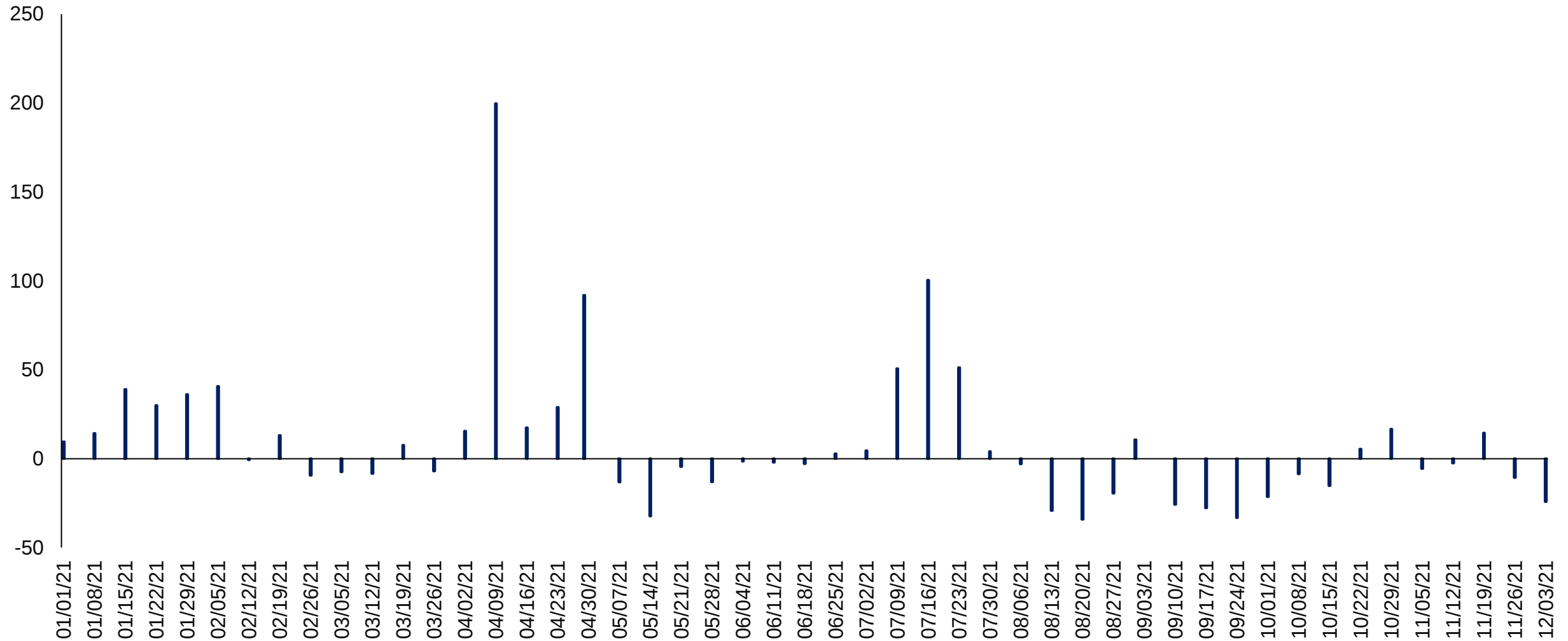
Giá trị bán ròng tự doanh nhóm VN30 tuần 49 là 246.42 tỷ

Mã CK	Giá trị ròng (Tỷ)
ACB	21.08
BID	0.30
BVH	0.09
CTG	-8.53
FPT	60.68
GAS	-4.71
GVR	-0.91
HDB	12.63
HPG	-20.71
KDH	13.63
MBB	40.46
MSN	-163.15
MWG	106.53
NVL	13.57
PDR	2.80

Mã CK	Giá trị ròng (Tỷ)
PLX	1.14
PNJ	10.24
POW	0.17
SAB	0.45
SSI	7.27
STB	-131.42
TCB	20.37
TPB	8.22
VCB	11.24
VHM	-144.46
VIC	-36.79
VJC	10.59
VNM	-53.79
VPB	25.33
VRE	-48.77

ETF Fundflow	Shares Out (Million)	AUM	Tuần qua	Dòng vốn ròng (Million USD)				
				Q4/2021	Q3/2021	Q2/2021	Q1/2021	Từ 1/1/2021
VanEck Vectors Vietnam	28.2	574.67	0.00	-2.95	17.78	8.44	15.52	38.78
FTSE Vietnam Swap UCITS	8.5	390.46	0.00	-18.68	-42.10	-21.59	16.06	-66.31
VFMVN30	415.4	468.11	-13.17	-7.28	17.79	0.56	-32.79	-21.71
KINDEX Vietnam VN30	9.3	174.39	0.00	-9.86	7.20	-14.03	-18.24	-34.93
iShares MSCI Frontier and Select EM	14.8	504.60	0.00	3.61	13.25	-9.53	0.00	7.32
Premia MSCI Vietnam	2.3	30.49	-2.17	0.78	0.26	-1.74	0.69	-0.02
ETF SSIAM VNFIN LEAD	152.4	143.27	0.96	12.10	0.00	2.89	23.78	38.77
VFMVN Diamond	491.4	593.10	-1.45	17.02	-53.73	33.25	152.12	148.66
Fubon FTSE Vietnam	737.7	450.75	-8.37	-46.40	88.51	288.52	0.00	330.63
Total		3,329.84	-24.20	-51.66	48.96	286.77	157.14	441.20

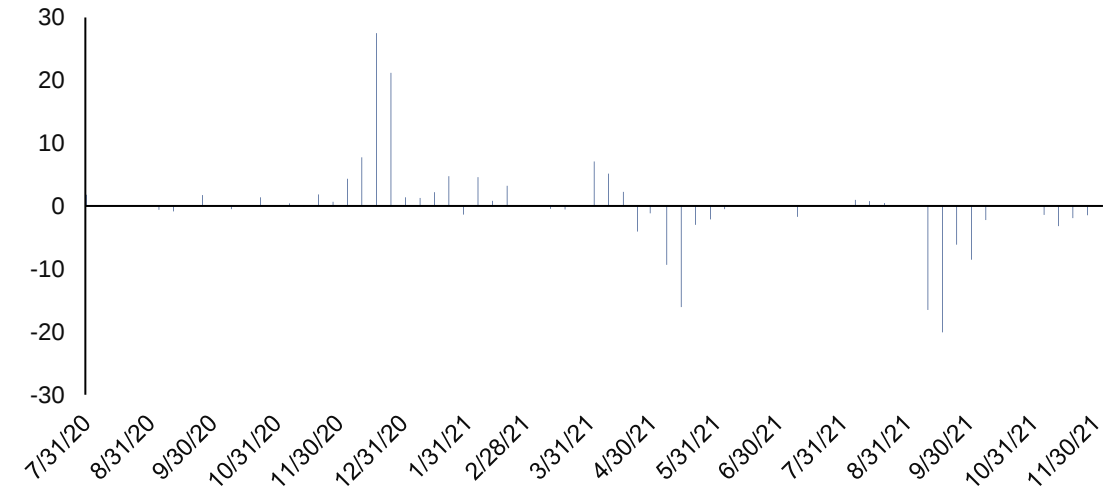
Total ETF Fundflow (Million USD)



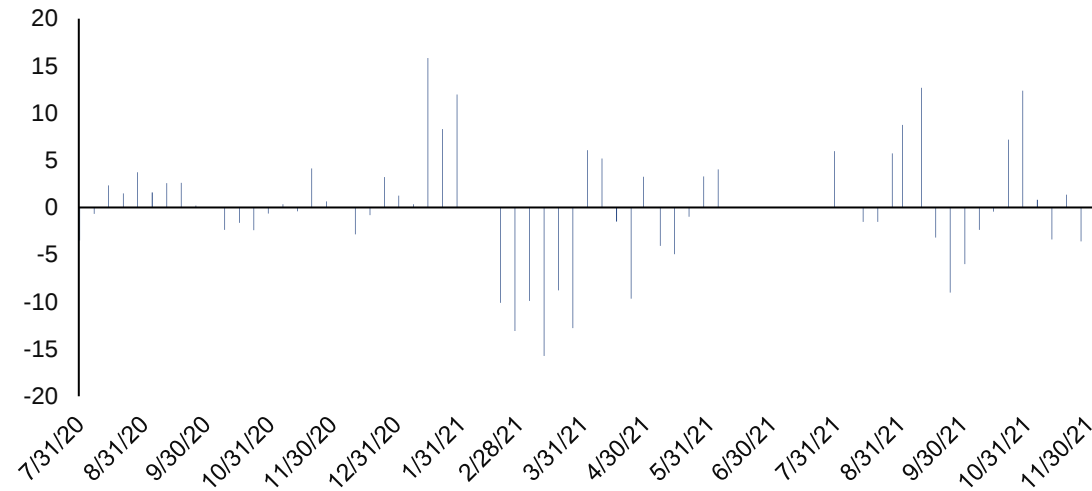
VanEck Vectors Vietnam (Million USD)



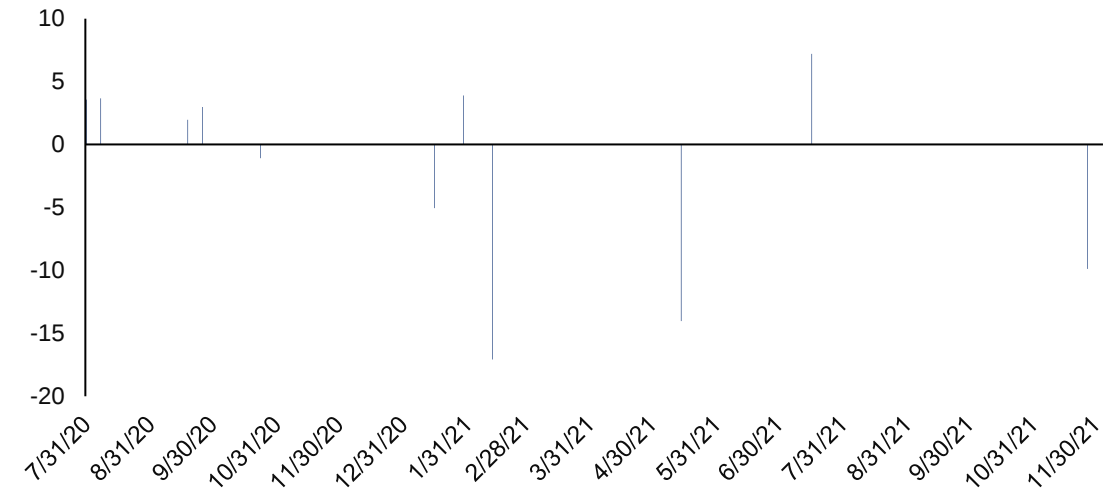
FTSE Vietnam Swap UCITS (Million USD)



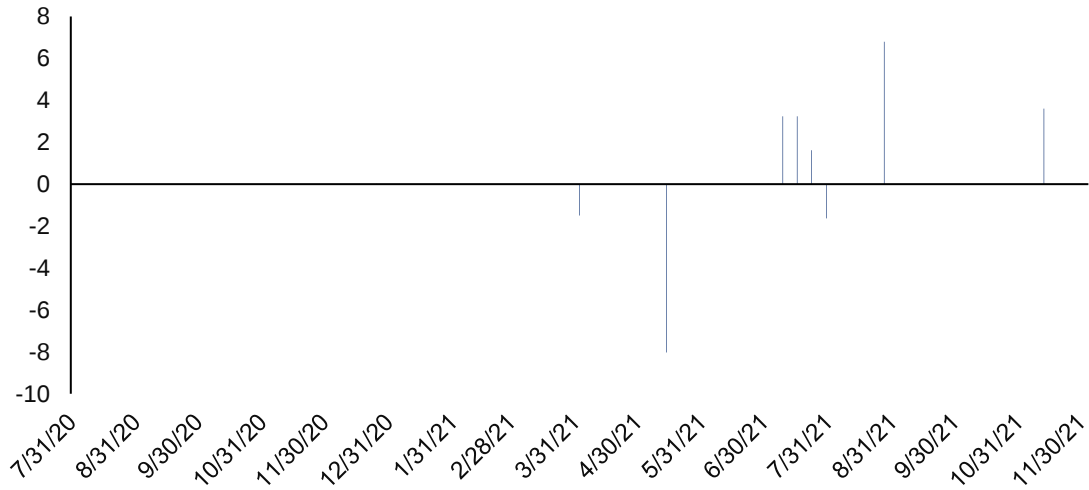
VFMVN30 (Million USD)



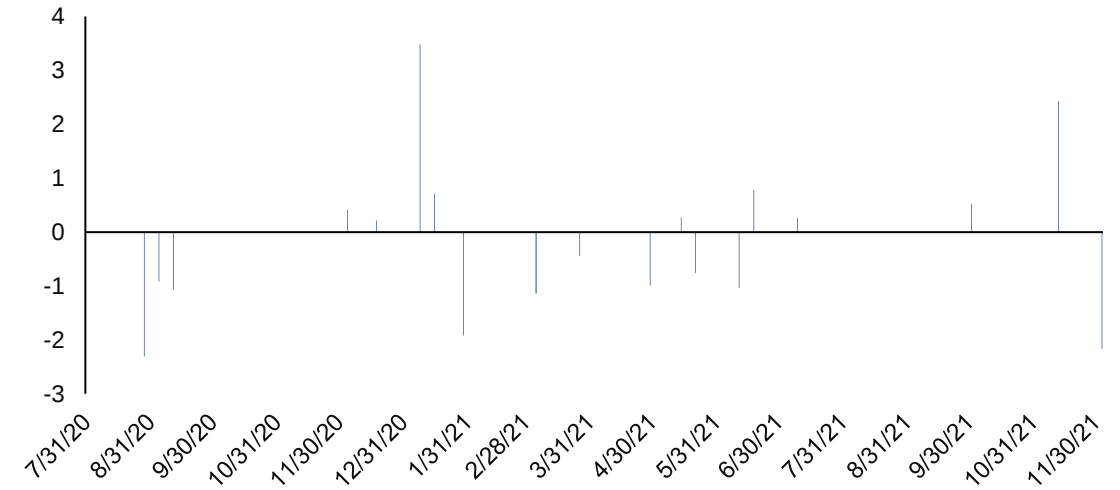
KINDEX Vietnam VN30 (Million USD)



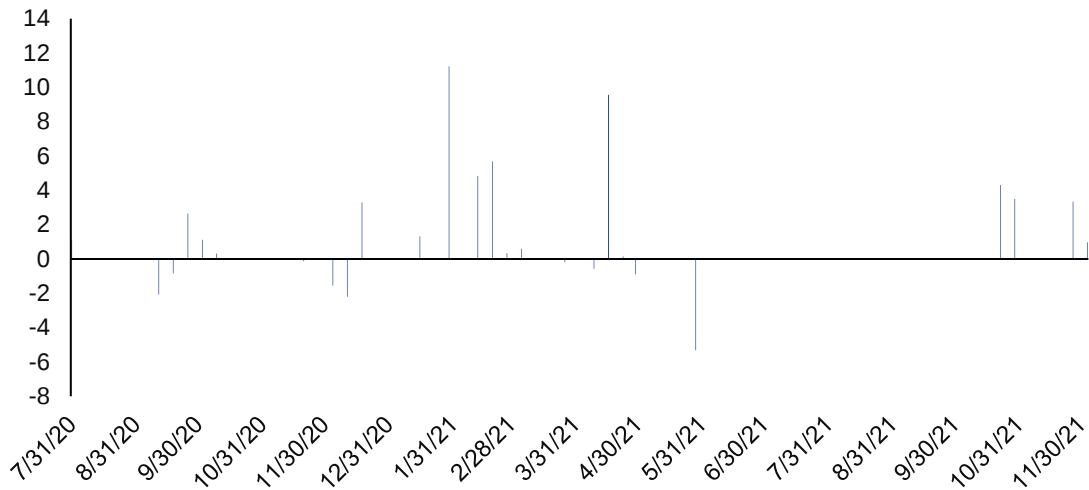
iShares MSCI Frontier and Select EM (Million USD)



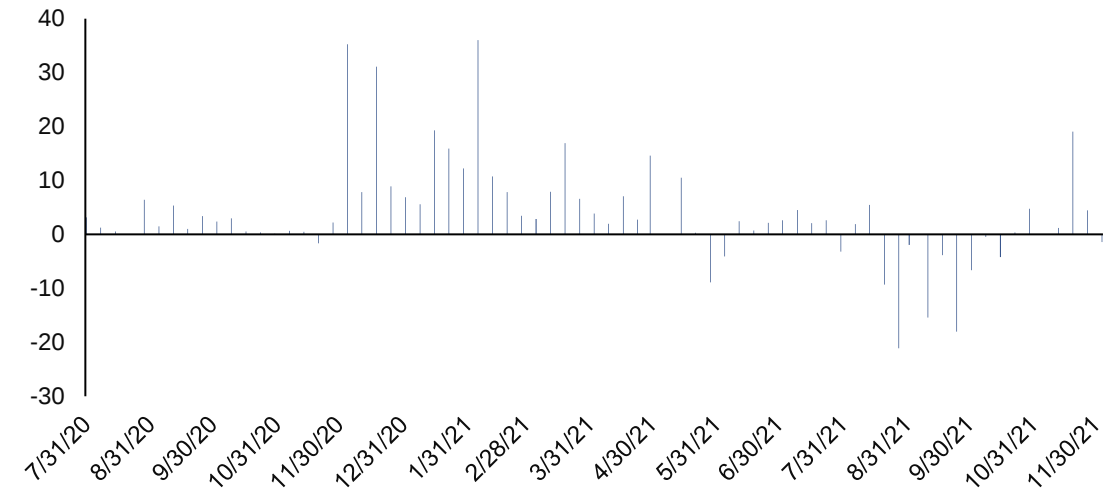
Premia MSCI Vietnam (Million USD)



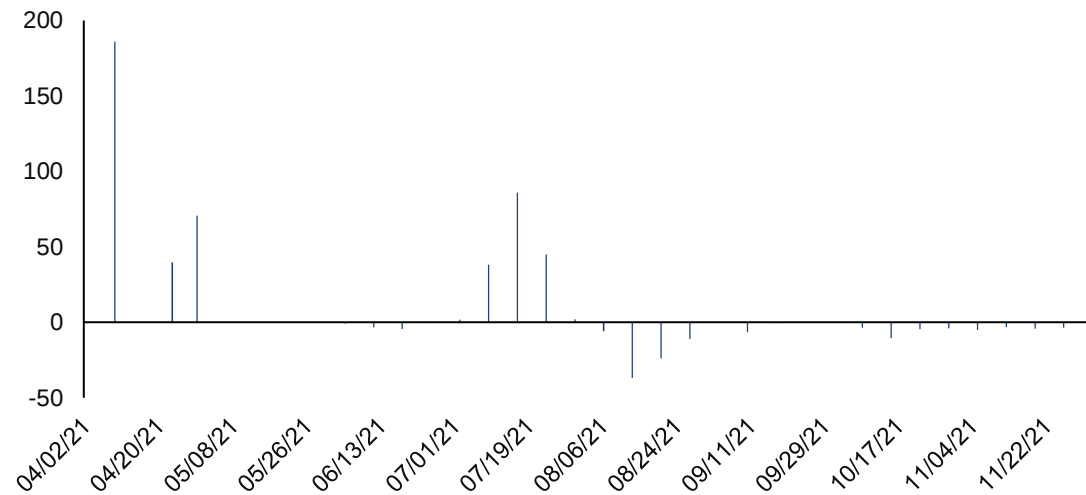
ETF SSIAM VNFIN LEAD (Million USD)



VFMVN Diamond (Million USD)



Fubon FTSE Vietnam (Million USD)



Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi TCSC dựa vào các nguồn thông tin mà TCSC coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích TCSC. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

TCSC có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này. Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.



THANHCONG SECURITIES CO.

A: 2nd floor, No. 6 Ho Tung Mau St., Nguyen Thai Binh W., D.1, HCMC
T: (+84 28) 3827 0527 | F: (+84 28) 3821 80 10

www.tcsc.vn